

Soạn bài Ôn tập phần làm văn - Ngữ văn lớp 12

I. Nội dung kiến thức cần ôn tập

Câu 1. Thống kê các kiểu loại văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn trung học phổ thông và cho biết những yêu cầu cơ bản của các loại kiểu đó.

Trả lời:

Các kiểu loại văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn trung học phổ thông:

- a. Tự sự: trình bày các sự việc (sự kiện) có quan hệ nhân - quả dẫn đến kết cục nhằm biểu hiện con người, đời sống, tư tưởng, thái độ.
- b. Thuyết minh: trình bày thuộc tính, cấu tạo, nguyên nhân, kết quả... của sự vật, hiện tượng, vấn đề... giúp người đọc có tri thức và thái độ đúng đắn đối với đối tượng được thuyết minh.
- c. Nghị luận: trình bày tư tưởng, quan điểm, nhận xét, đánh giá... đối với các vấn đề xã hội văn học qua các luận điểm, luận cứ, lập luận có tính thuyết phục.
- d. Ngoài ra, còn có văn bản nhật dụng, gồm: kế hoạch, cá nhân, quảng cáo, bản tin, văn bản tổng kết...

Câu 2. Để viết được một văn bản cần thực hiện những công việc gì?

Trả lời:

Để viết được một văn bản cần thực hiện những công việc:

- Nắm vững đặc điểm kiểu loại văn bản và mục đích, yêu cầu cụ thể của văn bản.
- Hình thành ý và sắp xếp thành dàn ý cho văn bản.
- Viết văn bản: mỗi câu trong văn bản tập trung thể hiện một chủ đề và triển khai chủ đề đó một cách trọn vẹn. Các câu trong văn bản có sự liên kết chặt chẽ, đồng thời cả văn bản được xây dựng theo một kết cấu mạch lạc. Mỗi văn bản có dấu hiệu biểu hiện tính toán hoàn chỉnh về nội dung và tương ứng với nội dung là hình thức thích hợp.

Câu 3. Ôn tập về văn nghị luận

Trả lời:

- a. Đề tài cơ bản của văn nghị luận trong nhà trường:

* Có thể chia đề tài của văn nghị luận trong nhà trường thành những nhóm nào?

- Có thể chia đề tài nghị luận trong nhà trường thành hai nhóm: nghị luận xã hội (các đề tài thuộc lĩnh vực xã hội) và nghị luận văn học (các đề tài thuộc lĩnh vực văn học).

* Khi viết nghị luận về các đề tài đó, có những điểm gì chung và khác biệt? Khi viết nghị luận về các đề tài đó, có những điểm chung và những điểm khác biệt:

- Điểm chung:

+ Điều trình bày tư tưởng, quan điểm, nhận xét, đánh giá... đối với các vấn đề nghị luận.

+ Điều sử dụng luận điểm, luận cứ, các thao tác lập luận có tính thuyết phục.

- Điểm khác biệt:

+ Đối với đề tài nghị luận xã hội, người viết cần có vốn sống, vốn hiểu biết thực tế, hiểu biết xã hội phong phú, rộng rãi, sâu sắc.

+ Đối với đề tài nghị luận văn học, người viết cần có kiến thức văn học, khả năng lí giải các vấn đề văn học, cảm thụ các tác phẩm, hình tượng văn học.

b. Lập luận trong văn nghị luận:

- Lập luận là đưa ra các lí lẽ, bằng chứng nhằm dẫn dắt người đọc (người nghe) đến một kết luận nào đó mà người viết (người nói) muốn đạt tới. Lập luận gồm những yếu tố: luận điểm, luận cứ, phương pháp lập luận.

- Luận điểm là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của người viết (nói) về vấn đề nghị luận. Luận điểm cần chính xác, minh bạch. Luận cứ là những lí lẽ và bằng cứ được dùng để soi sáng cho luận điểm.

- Yêu cầu cơ bản và cách xác định luận cứ cho luận điểm:

+ Lí lẽ phải có cơ sở, phải dựa trên những chân lí đã được thừa nhận.

+ Dẫn chứng phải chính xác, tiêu biểu và phù hợp với lí lẽ.

+ Cả lí lẽ và dẫn chứng phải phù hợp với luận điểm, tập trung làm sáng tỏ luận điểm.

- Các lỗi thường gặp khi lập luận và cách khắc phục:

+ Nêu luận điểm không rõ ràng, trùng lặp, không phù hợp với bản chất của vấn đề cần giải quyết.

+ Nêu luận cứ không đầy đủ, thiếu chính xác, thiếu chân thực, trùng lặp hoặc quá rườm rà, không liên quan mật thiết với luận điểm cần trình bày.

+ Lập luận mâu thuẫn, luận cứ không phù hợp với luận điểm.

- Các thao tác lập luận cơ bản:

+ Thao tác lập luận giải thích

+ Thao tác lập luận chứng minh

+ Thao tác lập luận phân tích

+ Thao tác lập luận so sánh

+ Thao tác lập luận bác bỏ

+ Thao tác lập luận bình luận

Cách tiến hành và sử dụng các thao tác lập luận trong bài nghị luận: sử dụng một cách tổng hợp các thao tác lập luận,

c. Bố cục trong văn nghị luận

Bố cục của bài văn nghị luận gồm có ba phần:

- *Mở bài:*

+ Vai trò nêu vấn đề nghị luận, định hướng cho bài nghị luận và thu hút sự chú ý của người đọc (nghe).

+ Yêu cầu của mở bài: thông báo chính xác, ngắn gọn về đề tài, hướng người đọc (người nghe) vào đề tài một cách tự nhiên; gợi sự hứng thú với vấn đề được trình bày trong văn bản.

+ Cách mở bài: có thể nêu vấn đề một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

- *Thân bài:*

+ Là phần chính của bài viết. Nội dung cơ bản của phần thân bài là triển khai vấn đề thành các luận điểm, luận cứ với cách sử dụng các phương pháp thích hợp.

+ Các nội dung trong phần thân bài phải được sắp xếp một cách có hệ thống, các mục đích phải có sự logic chặt chẽ.

+ Giữa các đoạn trong thân bài phải có sự chuyển ý để đảm bảo tính liên kết giữa các ý, các đoạn.

- *Kết bài:*

+ Vai trò thông báo về sự kết thúc của việc trình bày đề tài.

+ Nêu đánh giá khái quát của người viết về những khía cạnh nổi bật nhất của vấn đề, gọi liên tưởng rộng hơn, sâu sắc hơn.

d. Diễn đạt trong văn nghị luận

- Yêu cầu của diễn đạt trong văn nghị luận:

+ Lựa chọn các từ ngữ chính xác, phù hợp với vấn đề nghị luận, tránh dùng khẩu ngữ hoặc những từ sáo rỗng, cầu kì. Kết hợp sử dụng những biện pháp tu từ vựng (ẩn dụ, hoán dụ, so sánh...) và một số từ ngữ mang tính biểu cảm, gợi hình tượng để bộc lộ cảm xúc phù hợp.

+ Phối hợp một số kiểu câu trong đoạn, trong bài để tránh sự đơn điệu, nặng nề, tạo nên sự linh hoạt. Sử dụng các biện pháp tu từ cú pháp để tạo nhịp điệu, nhấn mạnh rõ hơn thái độ, cảm xúc: lặp cú pháp, song hành, liệt kê, câu hỏi tu từ...

+ Giọng điệu chủ yếu của văn nghị luận là trang trọng, nghiêm túc. Các phần trong bài có thể thay đổi giọng điệu cho thích hợp với nội dung cụ thể: sôi nổi, trầm lắng, hài hước.... thể hiện chính xác ý nghĩa và tình cảm của người viết.

- Các lỗi về diễn đạt thường gặp: dùng từ ngữ thiếu chính xác, lặp từ, thừa từ, dùng từ ngữ không đúng phong cách, sử dụng câu đơn điệu, câu sai ngữ pháp; sử dụng giọng điệu không phù hợp với vấn đề nghị luận.

II. Luyện tập

Đề bài: Đọc 2 đề văn (SGK, trang 183) và thực hiện các yêu cầu luyện tập.

Trả lời:

1. Tìm hiểu đề:

- Kiểu bài: nghị luận xã hội (đề 1), nghị luận văn học (đề 2).

- Thao tác lập luận: cả hai đề đều vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận. Tuy nhiên đề 1 chủ yếu vận dụng thao tác bình luận, đề 2 chủ yếu vận dụng thao tác phân tích.

- Những luận điểm cơ bản cần dự kiến cho bài viết:

+ Với đề 1: trước hết cần khẳng định câu nói của Xô-cơ-rát với người khác và giải thích tại sao ông lại nói như vậy. Sau đó rút ra bài học từ câu chuyện và bình luận.

+ Với đề 2: trước hết cần chọn đoạn thơ để phân tích. Sau đó căn cứ vào nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật của đoạn để chia thành các luận điểm.

2. Lập dàn ý cho bài viết:

Với đề 2, chọn phân tích một đoạn trích trong bài *Đất nước* của Nguyễn Khoa Điềm.

Chọn phân tích đoạn thơ sau:

*Trong anh và em hôm nay
Đều có một phần Đất nước
Khi hai đứa cầm tay
Đất Nước trong chúng ta hài hòa nồng thắm
Khi chúng ta cầm tay mọi người
Đất Nước vẹn tròn to lớn
Mai này con ta lớn lên
Con sẽ mang Đất nước đi xa
Đến những tháng ngày mơ mộng
Em ơi em! Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó và san sẻ
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời...*

(*Đất nước* - Trích **Mặt đường khát vọng** - Nguyễn Khoa Điềm)

Học sinh có thể hình thành dàn ý cụ thể như sau.

a. Mở bài: Giới thiệu về tác giả, tác phẩm và đoạn trích.

- Nguyễn Khoa Điềm thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Thơ ông giàu chất suy tư, triết luận, cảm xúc dồn nén.

- Đoạn thơ *Đất nước* thể hiện một cái nhìn mới mẻ về đất nước qua cách cảm nhận mang tính tổng hợp, toàn diện từ cái tôi tự ý thức của thế hệ những người cầm bút trẻ tuổi giàu tri thức, niềm tin và niềm tự hào dân tộc. Theo đó, đất nước là nơi hội tụ, kết tinh bao công sức và khát vọng của nhân dân. Nhân dân là người làm ra đất nước.

b. Thân bài: Phân tích đoạn thơ:

- Đất nước hóa thân trong mỗi người, hiện diện trong đời sống của mỗi người: “*Trong anh và em hôm nay/ Đều có một phần Đất nước. Em ơi em! Đất nước là máu xương của mình*”... Học sinh cần chú ý hình ảnh “anh” và “em” mang tính biểu tượng ở trong đoạn thơ.

- Đất nước cũng là hóa thân của tinh thần đoàn kết, yêu thương. Đất nước hình thành và trưởng thành nhờ sự hòa hợp, sự thống nhất giữa cá nhân với cộng đồng, giữa cái nhỏ bé để làm nên cái to lớn. Có thể nói, sự sống của mỗi người làm nên sự sống cho đất nước

- Sự trường tồn và lớn mạnh của Đất nước gắn với sự tiếp nối của các thế hệ công dân. Học sinh cần chú ý phân tích mối liên hệ: *Con ta - Đất nước* đi đến những tháng ngày mơ mộng để thấy được sự tiếp nối và trưởng thành của các thế hệ làm nên sự trưởng thành của Đất nước.

- Từ đó, đoạn thơ xác định ý thức trách nhiệm của công dân đối với Đất Nước.

c. Kết bài: Đánh giá chung:

- Đoạn thơ góp phần thể hiện tư tưởng chủ đạo của tác phẩm: Đất Nước của nhân dân.

- Đoạn thơ tiêu biểu cho phong cách thơ của Nguyễn Khoa Điềm: trữ tình - chính luận.